TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2024/HC-PT
Ngày: 04 - 10 - 2024
V/v: "Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính trong quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng
Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Thảo
Bà Nguyễn Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Duy Khánh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 190/2024/TLPT-HC ngày 20 tháng 5 năm 2024 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 36/2024/HC-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10899/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đ11, thôn V, xã V, huyện T, thành phố H (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sơn: Ông Hoàng Thế S, sinh năm 1973- Công ty Luật TNHH H; Địa chỉ: Tòa nhà chung cư số 19 Đ, phường Đ, quận H, thành phố H.

Người bị kiện:

- UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố H (Vắng mặt).

- Chủ tịch và UBND huyện T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến C, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: UBND xã V, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình T, chức vụ: Chủ tịch UBND xã V (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Ngày 11/10/2022, bà Nguyễn Thị S làm đơn khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính gồm:

Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T, thành phố H;

Xác nhận gia đình bà có đủ điều kiện để được đền bù về đất theo luật đất đai theo quy định tại Luật đất đai 2013;

Đền bù cho gia đình bà thỏa đáng về đất và tài sản trên đất theo đúng quy định tại Luật đất đai hiện hành.

Ngày 23/6/2024, bà S bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 08-12-2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S của Chủ tịch UBND huyện T;

Hủy một phần Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc thu hồi 1.886,12m^2 đất tại xã V, huyện T do UBND xã V quản lý để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ (thôn V) của UBND thành phố H.

Bà Nguyễn Thị S trình bày:

1. Về nguồn gốc đất: Năm 1967, bố chồng bà là Nguyễn Hữu H, sinh năm 1935 ở Đ11, thôn V, xã V, huyện T, thành phố H có mua của cụ S một thửa đất có diện tích là 325 m^2. Năm 1975, cụ H lại mua tiếp một thửa đất có diện tích 216m^2 của cụ Nguyễn Hữu É ở C11, thôn V, xã V, huyện T, thành phố H. Phía đông giáp nhà cụ Nguyễn Duy L, phía nam giáp nhà cụ Nguyễn Thị C, phía bắc giáp với nhà cụ P (tức cụ K), phía tây giáp nhà ông Q, thuộc thửa đất số 126, tờ bản đồ 28. Do ngày xưa mua đất tôn nền khó khăn, gia đình bà đã đào đất ở thửa đất có diện tích 216 m^2 để lấp nên thửa đất có diện tích 325 m^2. Thửa đất có diện tích 216 m^2 tạo thành cái hố sâu và nhà bà vẫn thả bèo nuôi lợn. Năm 1995, gia đình bà mới có

điều kiện san lấp cái hố và sử dụng cho đến nay (hiện là phần đất 146 m^2 đã bị thu hồi).

Năm 1987, UBND xã V đo gộp phần diện tích đất hố này của gia đình bà với diện tích đất hố của các hộ cá thể xung quanh (khu vực này là đất của các hộ cá thể không tham gia vào hợp tác xã). Các hộ dân trong đó có gia đình bà đều đào đất lên đắp nền và cái ao hình thành từ đó đến nay.

Năm 2015, gia đình bà xây một nhà tầng mái bằng bê tông cốt thép cao 3m, không có khu phụ, rộng 16 m^2. Một nhà mái bằng cao 2m, có khu phụ, rộng 4,08 m^2. Phần còn lại làm vườn, các công trình phục vụ và sử dụng toàn bộ diện tích đất trên và không có tranh chấp với ai.

Nay trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của gia đình bà lại là đất nông nghiệp nuôi trồng thuỷ sản do UBND xã quản lý là không đúng (xác nhận chỉ dựa vào bản đồ địa chính năm 1994 của UBND xã V), không đủ căn cứ và rất thiếu trách nhiệm của UBND huyện T. (Bản đồ năm 1994 chỉ dựa vào mặt nước là không đủ căn cứ, xác nhận bản đồ hiện trạng cũng không đủ căn cứ, đất nhà bà phù hợp với đất quy hoạch đất ở). Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ (thôn V), xã V, huyện T, TP. H không phải là dự án với mục đích an ninh quốc phòng, lợi ích quốc gia.

Do đó, bà không đồng với ý phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do UBND huyện T phê duyệt để GPMB thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ (thôn V), xã V, huyện T, thành phố H. Việc thực hiện dự án trên diện tích đất của gia đình bà để đấu giá quyền sử dụng đất là trái với quy định của pháp luật.

2. Về quy trình thực hiện dự án: Thực hiện thu hồi đất trái quy định của pháp luật dẫn đến việc cưỡng chế thu hồi đất ảnh hưởng đến đời sống tinh thần và vật chất của gia đình bà, cụ thể:

Trong quá trình chuẩn bị khảo sát đầu tư, phê duyệt quy hoạch tổng thể mặt bằng dự án, UBND xã V không hề thực hiện việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư theo luật xây dựng năm 2014 và luật quy hoạch năm 2009 dẫn đến hộ gia đình bà không hay biết UBND huyện T thu hồi đất để đấu giá cho đến khi bà nhận được thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND ngày 29/09/2020 của UBND huyện T. Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND ngày 29/02/2020 của UBND huyện T ban hành không đúng đối tượng, sai nội dung thông tin và quy định tại thông tư 30/2014/TT/BTNMT ngày 02/06/2014. Sau 5 ngày, UBND huyện T ban hành thông báo thu hồi đất, gia đình bà không nhận được thông

báo thu hồi đất và UBND huyện cũng không tổ chức họp dân công bố chủ trương thu hồi đất công khai văn bản pháp lý thực hiện dự án theo quy định.

Về phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không lập đúng theo quy định của pháp luật (các căn cứ pháp lý không được thực hiện trong phương án theo quy định). Trong quá trình công khai dự thảo phương án, gia đình bà có đơn kiến nghị về phương án cũng như dự án đến nay vẫn chưa nhận được văn bản trả lời của UBND huyện T theo quy định đã vội vàng phê duyệt phương án và ban hành quyết định thu hồi đất. Sau đó, UBND huyện T đã ban hành quyết định hủy bỏ các quyết định đó mà không có lý do gì. Đến nay, UBND huyện T đã dựa trên những quyết định thực hiện trái pháp luật để ban hành và thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất trái quy định của pháp luật dẫn đến hiện nay bà không còn nơi ăn ở nào khác.

Gia đình bà gửi đơn khiếu nại lên UBND TP.H, Ban tiếp công dân của UBNDTP.H chuyển đơn của gia đình bà đến Chủ tịch UBND huyện T để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng Chủ tịch UBND huyện T chỉ trả lời qua loa, không đúng trọng tâm đơn khiếu nại và có hẹn gia đình bà làm đơn để Chủ tịch giải quyết. Gia đình bà S gửi nhiều đơn khiếu nại, tuy nhiên không được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại mà đã thực hiện lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá và ấn định ngày bán đất.

Người bị kiện: + UBND thành phố H trình bày:

1. Căn cứ, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND Thành phố về việc thu hồi 1.886,12m² đất tại xã V, huyện T do UBND xã V quản lý để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ thôn V:

a, Quy định của pháp luật:

- Điểm c khoản 4 Điều 40 của Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai) Điều 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018) quy định về nội dung Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện gồm: "… *Đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn phải đồng thời xác định vị trí, diện tích đất thu hồi trong vùng phụ cận để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh".*

- Điểm d khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thực hiện các dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất bao gồm*:"Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh*

trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng".

- Điều 63 của Luật Đất đai năm 2013 quy định căn cứ thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng gồm: *"1. Dự án thuộc các trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật này; 2. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; 3. Tiến độ sử dụng đất thực hiện dự án".*

- Khoản 1 Điều 66 của Luật Đất đai năm 2013 quy định UBND cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau*: "a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn"*

b, Thủ tục hành chính:

Theo Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố H; trong đó có Thủ tục thu hồi đất.

c, Việc triển khai thực hiện:

- Ngày 29/10/2019, UBND huyện T có Quyết định số 4227/QĐUBND phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T (Chủ đầu tư: UBND huyện T: Thời gian thực hiện: Năm 2020-2021).

Căn cứ quy định của pháp luật và thủ tục hành chính được UBND thành phố H công bố tại Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 12/6/2017; trên cơ sở hồ sơ đề nghị của UBND huyện T, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 7643/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 14/10/2021 trình UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc thu hồi 1.886,12m² đất tại xã V, huyện T do UBND xã V quản lý để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ thôn V.

2. Tại Danh mục kèm theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện T (được UBND thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 31/8/2020) và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện T (được UBND thành phố

H phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 26/3/2021) có 01 dự án với tên: Dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt nhỏ lẻ tại xã V (thôn V); Địa điểm: xã V, huyện T.

3. Quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S: Không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBNDThành phố H.

+ Chủ tịch UBND huyện T trình bày: Dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T do UBND thành phố H ban hành quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 7411/QD-UBND ngày 30/10/2018; nằm trong danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019, 2020, 2021, được HĐND thành phố thông qua, nằm trong kế hoạch sử dụng đất đã được UBND thành phố phê duyệt năm 2019, 2020, 2021. Mục tiêu của quy hoạch là thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vị lợi ích quốc gia, công cộng. Theo quy định tại điểm b, Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Do đó, dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ vào các tài liệu và các hệ thống bản đồ (năm 1986, năm 1994) của UBND huyện T thì phần diện tích đất đang tranh chấp mà bà Nguyễn Thị S đang sử dụng thuộc chỉ giới thu hồi tại Dự án là "đất nông nghiệp (nuôi trồng thủy sản) do UBND xã V quản lý, hộ gia đình lấn, san lấp sử dụng và xây dựng công trình phụ trợ trên phần diện tích đang sử dụng thuộc Dự án". Do đó, việc UBND huyện T không bồi thường, hỗ trợ về đất, chỉ hỗ trợ về tài sản, cây trồng trên đất là đúng quy định tại Điều 82 của Luật đất đai năm 2013, Điều 14 của Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Thực hiện các bước theo quy trình giải phóng mặt bằng, ngày 25/10/2021, UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 4575/QĐ-UBND về việc thu hồi 1886,12m^2 đất do UBND xã V quản lý. Căn cứ các quy định hiện hành ngày 25/10/2021, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T đã thẩm định và ban hành Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ số 3953/QĐ-UBND cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị S. Tuy nhiên khi nhận được Quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ của UBND huyện thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị S không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Tổ công tác đã nhiều lần vận động gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng nhưng gia đình vẫn không đồng ý (vận động ngày 20/01/2021, ngày 05/3/2021 và ngày 25/11/2021). Do đó, ngày 31/12/2021, UBND huyện T thực hiện công tác cưỡng chế phá dỡ công trình, di chuyển tài sản trên đất đã thu hồi do UBND xã quản lý đối với các hộ gia đình

trong đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị S là đúng quy định.

Bà Nguyễn Thị S có Đơn khiếu nại đề ngày 16/6/2022 (V/v: Khiếu nại một số nội dung liên quan đến phương án BT, HT & TĐC đối với bà Nguyễn Thị S khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T.

Ngày 08/8/2022, UBND huyện giao Trung tâm Phát triển quỹ đất Huyện xem xét, tham mưu UBND Huyện giải quyết và trả lời công dân theo quy định.

Ngày 24/8/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 3811/QĐ-UBND về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 08/9/2022, Tổ xác minh khiếu nại đã làm việc với gia đình bà Nguyễn Thị S để xác minh về nội dung khiếu nại của gia đình và công bố nội dung Quyết định số 3811/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND huyện T về việc xác mình nội dung khiếu nại.

Ngày 29/9/2022 và ngày 01/11/2022, UBND huyện T đã tổ chức đối thoại về nội dung đơn khiếu nại với gia đình bà Nguyễn Thị S.

Ngày 08/12/2022, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 6826/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị S theo đúng quy định của Luật Khiếu nại.

Từ những căn cứ trên, UBND huyện T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật, yêu cầu bà Nguyễn Thị S chấp hành Quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND huyện T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã V trình bày:

1) Về hồ sơ địa chính: Theo hồ sơ địa chính hiện UBND xã đang lưu trữ, diện tích đất 146,2m² nằm trong dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T là một phần thửa đất sau:

Theo hệ bản đồ đo năm 1986, sổ địa chính lập năm 1994 thuộc thửa đất số121, tờ bản đồ số 3, diện tích 3114m², loại đất: Ao, chủ sử dụng: UBND xã.

Theo hệ bản đồ đo đạc năm 1994 thuộc thửa đất số 126, tờ bản đồ số: 28,diện tích 3158m². Do vậy diện tích 146,2m² nằm trong dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt nhỏ lẻ thuộc đất nuôi trồng thủy sản do UBND xã quản lý.

2) Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Diện tích 146,2 m2 là đất nông nghiệp (nuôi trồng thủy sản) do UBND xã

V quản lý. Hộ gia đình bà Nguyễn Thị S lấn sử dụng san lấp thành vườn từ năm 1996. Năm 2003 gia đình xây dựng công trình phụ trợ gồm: 01 bể nước diện tích 2,52m3, 01 sân bê tông diện tích 56,14m², 01 sân bê tông diện tích 24,75m². Năm 2015 gia đình xây dựng các công trình: 01 nhà 1 tầng diện tích 16m², 01 nhà 1 tầng (khu công trình phụ) diện tích 4.8m^2, 01 nhà tạm diện tích 4.08m^2, 01 tường xây gạch 110, xây cao 2m (dài 8m), 01 mái vẩy lợp Fibroximăng diện tích 14,26m^2, 01mái vẩy lợp Fibroximăng diện tích 44,1m²

Năm 2015 bà Nguyễn Thị S đã vi phạm cơi nới cải tạo công trình trên diện tích thuộc dự án. Ngày 06/5/2015, bà Nguyễn Thị S đã làm đơn trình bày hoàn cảnh đề nghị tạo điều kiện cho gia đình khi nào nhà nước sử dụng đến hoặc có đất giãn dân thì gia đình bà cam kết tự dỡ bỏ phần công trình vi phạm và trả lại nhà nước (có xác nhận của lãnh đạo thôn V)

3) Quan điểm đối với việc yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S:

Căn cứ hồ sơ địa chính và hiện trạng sử dụng đất UBND xã đã xác nhận nguồn gốc đất để UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 3953/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện T khi thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T là đúng quy định. UBND xã đã phối hợp cùng các phòng ban của UBND huyện tuyên truyền vận động để bà Nguyễn Thị S nhận tiền và bàn giao mặt bằng nhưng bà Nguyễn Thị S và gia đình không đồng ý. Do đó UBND huyện T đã thực hiện công tác cưỡng chế phá dỡ công trình, di chuyển tài sản trên đất đã thu hồi do UBND Xã quản lý đối với các hộ gia đình trong đó có hộ gia đình bà Nguyễn Thị S

Tại Bản án số 36/2024/HC-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 2 Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP; Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật giải quyết khiếu nại năm 2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/ TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đề nghị hủy các quyết định hành chính gồm: Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T, thành phố H; Quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 08-12-2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S của Chủ tịch UBND huyện T; Hủy một phần Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc thu hồi 1.886,12m^2 đất tại xã V, huyện T do UBND xã V quản lý để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ (thôn V) của UBND thành phố H.

Không chấp nhận yêu cầu của bà S về việc: Xác nhận gia đình bà có đủ điều kiện để được đền bù về đất theo luật đất đai theo quy định tại Luật đất đai 2013 và đền bù cho gia đình bà thỏa đáng về đất và tài sản trên đất theo đúng quy định tại Luật đất đai hiện hành.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/3/2024, bà Nguyễn Thị S là người khởi kiện kháng cáo toàn bộ Bản án số 36/2024/HC-ST ngày 21/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội với nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị S là người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, vắng mặt người bị kiện, các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: - *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án số 36/2024/HC-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người khởi kiện: Ngày 26/3/2024, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phuc thẩm ngày 22/8/2024, người khởi kiện rút đơn khởi kiện nhưng người bị kiện là UBND huyện T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của người khởi kiện và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng phiên tòa được mở nhiều lần nên HĐXXPT quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và đối tượng khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định gồm: Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ tại xã V (thôn V), huyện T, thành phố H; Xác nhận gia đình bà có đủ điều kiện để được đền bù về đất theo luật đất đai theo quy định tại Luật đất đai 2013; Đền bù cho gia đình bà thỏa đáng về đất và tài sản trên đất theo đúng quy định tại Luật đất đai hiện hành; Hủy Quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 08-12-2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S của Chủ tịch UBND huyện T; Hủy một phần Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc thu hồi 1.886,12m^2 đất tại xã V, huyện T do UBND xã V quản lý để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt, nhỏ lẻ (thôn V) của UBND thành phố H. Các quyết định hành chính bị khởi kiện nêu trên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ngày 29/8/2022, bà Nguyễn Thị S đã

nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; khoản 1, 2 Điều 115; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính,

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[4.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND thành phố H về thu hồi 1.886,12m² đất tại xã V, huyện T để thực hiện dự án; Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định khoản 2 Điều 66, 74 của Luật đất đai 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Quyết định số 6826/QĐ-UBND ngày 8/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị S là quyết định có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện, được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 của Luật khiếu nại năm 2017, Điều 29 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015.

[4.2] Về nội dung các Quyết định hành chính bị kiện:

4.2.1. Quyết định số 4575/QĐ-UBND ngày 21/10/2021 của UBND thành phố H về thu hồi 1.886,12m² đất tại xã V, huyện T.

Trên cơ sở Báo cáo kinh tế kỹ thuật của Dự án tại Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện T; Văn bản số 12004/STNMT- CCQLĐĐ ngày 19/12/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường H về việc hướng dẫn xác định ranh giới khu đất thu hồi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện Dự án. Bản định vị mốc ngày 14/02/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 16/9/2020 của UBND huyện T về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án. Thông báo thu hồi đất số 343/TB-UBND ngày 29/9/2020 của UBND huyện T, Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/200; Văn bản số 2005/UBND-QLDA ĐTXD ngày 21/9/2021 của UBND huyện T về việc đề nghị thu hồi đất thực hiện Dự án; Bản đồ địa chính 1/500. Tờ trình số 7643/TTr-

STN ngày 14/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường H về việc thu hồi 1.886,12m² do xã V quản lý để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án. Ngày 25/10/2021, UBND thành phố ban hành Quyết định số 4575/QĐ-UBND về thu hồi 1.886,12m² đất tại xã V, huyện T để thực hiện Dự án. Dự án được Hội đồng nhân dân thành phố H phê duyệt tại văn bản số 08/NQ- HĐND ngày 7/7/2020 với Danh mục công trình dự án: Xây dựng HTKT khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt nhỏ lẻ tại xã V, (thôn V). Do đó, xác định dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013. Ngày 29/9/2020, UBND huyện T đã ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án là đúng quy định tại Điều 66, 69 của Luật đất đai 2013; Điều 17 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Do đó, Thông báo thu hồi đất; Biên bản điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án; Giấy xác nhận về việc sử dụng, về các tài sản gắn liền với đất bị thu hồi, vị trí đất UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất đúng diện tích, vị trí, tài sản và loại đất bị thu hồi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

4.2.2. Quyết định số 3953/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án:

- Về nguồn gốc đất:

+ Theo hệ bản đồ năm 1986 và sổ địa chính lập theo hệ bản đồ năm 1986 thửa đất số 121, tờ bản đồ số 3; diện tích 3114m^2, loại đất: Ao, chủ sử dụng: UBND xã. Theo hệ bản đồ đo năm 1994 thuộc thửa đất 126, tờ bản đồ số 28, diện tích 3158m^2. Như vậy, vị trí diện tích đất bị thu hồi 146,2m² của hộ gia đình bà Nguyễn Thị S thuộc một phần thửa đất số 126, tờ bản đồ số 28 là đất nông nghiệp (nuôi trồng thủy sản) do UBND xã V quản lý.

+ Theo Giấy xác nhận ngày 01/12/2020 của UBND xã V về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị thu hồi phục vụ công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án thể hiện: Diện tích đất thu hồi là 164,2m² là đất nông nghiệp. Hộ gia đình bà S lấn chiếm sử dụng san lấp thành vườn từ năm 1996. Năm 2003 và năm 2015 gia đình xây dựng công trình phụ trợ trên phần diện tích đất đang sử dụng.

- Theo Biên bản xác nhận về tình trạng nhà ở, đất ở trong địa bàn xã V ngày 28/10/2020 thể hiện: Hiện trạng trước năm 1994 là ao, sau năm 1994 các hộ gia đình xung quanh trong đó có hộ bà S lấn chiếm, san lấp và xây dựng công trình phụ trợ phục vụ đời sống. Hiện trạng các hộ dân xung quanh ao đều

có đất và nhà kiên cố nằm cạnh phần đất thu hồi của các hộ thuộc dự án. Đối với nhà bà S đang sinh sống trực tiếp tại phần đất có diện tích hơn 300m² nằm cạnh phần diện tích bị thu hồi và đang có 03 ngôi nhà từ 3 đến 4 tầng. Tại sổ hộ khẩu số 241099152 chỉ có mình bà Nguyễn Thị S là chủ hộ và đăng ký thường trú tại C11, thôn V, xã V, huyện T, thành phố H.

Bà S trình bày diện tích đất thu hồi là của bố chồng bà mua từ những năm 1967, 1975 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh, trong quá trình sử dụng đất, bà S cũng không đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, bà cũng không cung cấp tài liệu nào khác để xác định diện tích đất 146,2m² là của gia đình bà. Ngày 06/5/2015, bà Nguyễn Thị S đã làm đơn trình bày hoàn cảnh với nội dung: ...*Tôi đã tự ý cơi nới cải tạo căn nhà…. trong quá trình làm có một phần công trình ra ngoài khuôn viên đất của gia đình và ra phần ao của UBND xã quản lý. Tôi biết việc vi phạm trên của tôi là không đúng với quy định của pháp luật…. đề nghị tạo điều kiện cho gia đình khi nào nhà nước sử dụng đến hoặc có đất giãn dân thì gia đình bà cam kết tự dỡ bỏ phần công trình vi phạm và trả lại nhà nước* (có xác nhận của lãnh đạo thôn V)

Ngày 23/01/2024, Tòa án nhân thành phố Hà Nội tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất bà Sơn bị thu hồi thì hiện trạng không còn công trình trên thửa đất bị thu hồi. Hiện phần đất thu hồi đã được san lấp để thực hiện dự án. Tại sơ đồ lồng ghép hiện trạng và bản đồ năm 1994 thể hiện diện tích đất bà Sơn bị thu hồi nằm trong ranh giới thửa đất số 26 tờ bản đồ địa chính số 28 đo năm 1994 do UBND xã quản lý.

Như vậy, diện tích đất bị thu hồi 146,2m² hộ bà S sử dụng có nguồn gốc là đất nông nghiệp do UBND xã V quản lý.

- Về bồi thường, hỗ trợ về đất: Diện tích đất thu hồi của bà S là đất công nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất. UBND huyện T không phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất là đúng quy định tại Điều 82 của Luật đất đai 2013.

- Về công trình xây dựng và cây trồng trên đất tổng số tiền 17.686.045 đồng: Một số công trình xây dựng gồm nhà và cây trồng trước ngày 1/7/2004, UBND huyện T phê duyệt phương án hỗ trợ công trình trên và cây trồng trên đất tỷ lệ 50% là phù hợp với khoản 2, khoản 4 Điều 14 của Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Do đó, bà Nguyễn Thị S yêu cầu hủy quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án là không có cơ sở chấp nhận.

4.2.3. Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại:

Như phân tích ở trên, diện tích đất thu hồi có nguồn gốc là đất công do UBND xã quản lý. Do đó, Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của bà S, giữ nguyên Quyết định 3953/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Đối với trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành và nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện các yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị S không được chấp nhận nhưng bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị S và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 36/2024/HC-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị S.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/10/2024.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND-VKSND-Cục THADS Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự, (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng